

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 52

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Pho Hop	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Phạm Pho Hop	Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 9 năm 2020
Bà Khúc Thị Kiều	Kế toán Trưởng	Ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này là ông Phạm Pho Hop - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Phạm Phú Hạp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 13483489/67846916

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		220.123.842.650	198.904.303.318
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	89.051.613.777	73.033.000.107
111	1. Tiền		49.051.613.777	26.033.000.107
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	47.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	124.388.384.805	114.132.158.771
121	1. Đầu tư ngắn hạn		124.419.456.200	116.057.879.085
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(31.071.395)	(1.925.720.314)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.996.255.266	10.801.734.359
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	5.215.254.500	10.039.945.978
132	2. Trả trước cho người bán		-	35.850.000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	454.745.101	370.610.901
135	4. Các khoản phải thu khác	8	326.255.665	355.327.480
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		687.588.802	937.410.081
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	288.556.560	538.377.839
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	399.032.242	399.032.242
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.852.867.628	5.916.416.481
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		598.236.000	550.311.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	598.236.000	550.311.000
220	II. Tài sản cố định		909.093.502	1.391.308.195
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11.1	728.260.158	1.190.058.182
222	Nguyên giá tài sản cố định		3.187.174.044	3.187.174.044
223	Hao mòn tài sản cố định		(2.458.913.886)	(1.997.115.862)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11.2	180.833.344	201.250.013
228	Nguyên giá tài sản cố định		844.609.998	739.609.998
229	Hao mòn tài sản cố định		(663.776.654)	(538.359.985)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	1.165.936.068	3.690.105.359
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		2.381.295.918	2.381.295.918
258	2. Đầu tư dài hạn khác		-	2.500.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.215.359.850)	(1.191.190.559)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		179.602.058	284.691.927
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	179.602.058	284.691.927
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		222.976.710.278	204.820.719.799

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.446.488.010	2.240.673.910
310	I. Nợ ngắn hạn		16.136.488.010	1.930.673.910
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	398.011.544	423.106.440
315	2. Phải trả người lao động		1.385.550.000	600.000.000
316	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	400.117.432	334.394.551
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	13.465.103.334	85.467.219
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	II. Nợ dài hạn		310.000.000	310.000.000
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		310.000.000	310.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		206.530.222.268	202.580.045.889
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	130.000.000.000	130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.606.859.427	3.606.859.427
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		75.531.862.841	71.581.686.462
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		222.976.710.278	204.820.719.799

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.080.293.339	1.080.293.339
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		7.899.560.000	12.118.180.000
007	- Chứng khoán giao dịch		7.899.560.000	12.118.180.000
020	3. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		75.474.395.400	76.905.862.700
030	4. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	6.775.130.735	15.732.181.232
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		6.775.130.735	15.276.700.770
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	455.480.462
040	5. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	117.385.028.510	83.874.433.633
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		117.385.028.510	83.055.044.257
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	819.389.376
050	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	19	127.925.750	3.763.929.079
051	7. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	20	108.235.292	378.759.152

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phò Hốp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		7.519.270.892	3.055.477.571
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	7.519.270.892	3.055.477.571
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	22	(18.276.716.877)	(16.893.431.502)
20	4. Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh		(10.757.445.985)	(13.837.953.931)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	34.942.725.359	29.295.488.925
22	6. Chi phí tài chính	24	(11.385.319.030)	(5.984.960.828)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(8.849.783.965)	(8.189.462.031)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.950.176.379	1.283.112.135
31	9. Thu nhập khác		742.765.790	439.018.501
32	10. Chi phí khác		(742.765.790)	(489.018.501)
40	11. Lỗ khác		-	(50.000.000)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.950.176.379	1.233.112.135
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.950.176.379	1.233.112.135
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	304	95

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		659.913.791.669	237.893.127.002
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(630.790.489.286)	(204.654.036.827)
03	3. Tiền chi trả lương cho người lao động		(13.122.933.333)	(12.770.500.000)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		686.655.908	326.122.247
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.039.821.160)	(1.930.403.291)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		13.647.203.798	18.864.309.131
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(105.000.000)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000)	(30.000.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		-	51.468.467.796
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.250.000.000)
27	5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		2.576.409.872	4.400.701.868
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.371.409.872	24.619.169.664
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		16.018.613.670	43.483.478.795
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	73.033.000.107	29.549.521.312
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	89.051.613.777	73.033.000.107

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Năm 2023		Năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)	-	-	-	-	(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
3. Quỹ dự phòng tài chính		3.606.859.427	-	-	(3.606.859.427)	-	-	-	-
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.606.859.427	3.606.859.427	-	-	-	-	3.606.859.427	3.606.859.427
5. Lợi nhuận chưa phân phối		66.741.714.900	71.581.686.462	4.839.971.562	-	3.950.176.379	-	71.581.686.462	75.531.862.841
TỔNG CỘNG		201.346.933.754	202.580.045.889	4.839.971.562	(3.606.859.427)	3.950.176.379	-	202.580.045.889	206.530.222.268

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 23 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 22 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua và bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" hoặc "*Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí trả trước thuê bao dữ liệu phần mềm;
- ▶ Chi phí bảo hiểm sức khỏe nhân viên;
- ▶ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.7 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

3.9 *Lợi ích của nhân viên*

3.9.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

3.9.2 *Trợ cấp thôi việc*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.9.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 *Các quỹ*

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền mặt	59.531.512	24.986.172
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	12.072.681.698	14.084.292.101
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	36.919.400.567	11.923.721.834
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	40.000.000.000	47.000.000.000
	89.051.613.777	73.033.000.107

(*) Số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,30%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (31/12/2023 3,85%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chứng khoán kinh doanh (i)	124.319.456.200	116.057.879.085
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	100.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(31.071.395)	(1.925.720.314)
	124.388.384.805	114.132.158.771

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(i) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom	28.378.965.954	28.427.492.700	(31.003.742)	30.826.916.468	29.626.299.406	(1.925.720.314)
VIB	5.917.880.000	5.910.000.000	(7.880.000)	-	-	-
SSI	4.790.753.145	4.787.729.500	(3.023.645)	3.660.482.500	3.608.000.000	(52.482.500)
DGC	4.343.550.552	4.337.520.000	(6.030.552)	-	-	-
VIC	2.802.146.925	2.797.950.000	(4.196.925)	-	-	-
FPT	1.725.145.575	1.723.250.000	(1.895.575)	-	-	-
VNM	1.529.620.734	1.527.940.000	(1.680.734)	-	-	-
HCM	1.471.470.000	1.470.000.000	(1.470.000)	-	-	-
GMD	1.293.972.712	1.373.503.200	-	-	-	-
PNJ	1.254.498.432	1.253.120.000	(1.378.432)	-	-	-
TCB	1.233.732.500	1.232.500.000	(1.232.500)	-	-	-
GAS	-	-	-	7.082.661.916	6.500.550.000	(582.111.916)
BVH	-	-	-	3.385.137.954	2.765.000.000	(620.137.954)
TLG	-	-	-	3.166.044.273	3.070.200.000	(95.844.273)
HAX	-	-	-	2.601.463.852	2.224.000.000	(377.463.852)
POW	-	-	-	2.426.459.239	2.414.250.000	(12.209.239)
DXG	-	-	-	2.035.636.258	1.935.000.000	(100.636.258)
ACB	-	-	-	2.002.499.250	2.055.400.000	-
Khác	2.016.195.379	2.013.980.000	(2.215.379)	4.466.531.226	5.053.899.406	(84.834.322)
Chứng chỉ quỹ (*)	95.940.490.246	121.155.650.198	(67.653)	85.230.962.617	107.038.682.481	-
VCAMBF	72.752.044.058	94.641.869.034	-	60.230.962.617	80.062.000.097	-
VCAM-NH VABF	23.160.446.188	26.485.848.817	-	25.000.000.000	26.976.682.384	-
VCAMDF	28.000.000	27.932.347	(67.653)	-	-	-
	124.319.456.200	149.583.142.898	(31.071.395)	116.057.879.085	136.664.981.887	(1.925.720.314)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 76,34% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ VCAMBF (31/12/2023: 81,01%); 37,07% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ VCAM-NH VABF (31/12/2023: 16,42%) và 0,06% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hợp đồng tiền gửi	100.000.000	-

Số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 5,80%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.925.720.314	11.348.402.661
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.894.648.919)	(9.422.682.347)
Số cuối năm	31.071.395	1.925.720.314

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu từ bán cổ phiếu	5.215.254.500	10.039.945.978

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu phí quản lý quỹ	272.418.993	238.468.097
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	82.968.985	53.964.991
Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	99.357.123	78.177.813
	454.745.101	370.610.901

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng cho nhân viên	193.955.331	143.976.521
Phải thu lãi tiền gửi	71.824.112	64.131.507
Phải thu cổ tức	-	145.650.000
Phải thu ngắn hạn khác	60.476.222	1.569.452
	326.255.665	355.327.480

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	288.556.560	538.377.839
- Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	146.719.333	145.920.667
- Phí khám sức khỏe	43.959.375	44.268.750
- Phí dịch vụ tích hợp và chữ ký số	38.841.000	128.333.333
- Bảo hiểm nhân viên	29.465.052	31.414.018
- Phí bảo trì, lắp đặt	17.020.800	31.675.371
- Cước phí internet	1.056.000	84.700.000
- Phí thiết kế nội thất	-	25.236.000
- Khác	11.495.000	46.829.700
Chi phí trả trước dài hạn	179.602.058	284.691.927
- Chi phí thiết bị văn phòng	69.933.723	103.923.419
- Phí phần mềm trả trước	33.024.755	62.117.986
- Phí khám sức khỏe	28.080.000	-
- Chi phí nội thất văn phòng	27.074.029	111.860.123
- Phí lưu kho	13.899.600	-
- Khác	7.589.951	6.790.399
	468.158.618	823.069.766

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc thuê văn phòng	579.786.000	531.861.000
Khác	18.450.000	18.450.000
	598.236.000	550.311.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

11.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm và cuối năm	1.570.866.516	1.616.307.528	3.187.174.044
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	787.316.169	1.209.799.693	1.997.115.862
Khấu hao trong năm	303.309.804	158.488.220	461.798.024
Số cuối năm	1.090.625.973	1.368.287.913	2.458.913.886
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	783.550.347	406.507.835	1.190.058.182
Số cuối năm	480.240.543	248.019.615	728.260.158

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.172.031.541 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 939.442.541 VND).

11.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	739.609.998
Tăng trong năm	105.000.000
Số cuối năm	844.609.998
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	538.359.985
Hao mòn trong năm	125.416.669
Số cuối năm	663.776.654
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	201.250.013
Số cuối năm	180.833.344

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 424.610.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 424.610.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết		2.381.295.918	(1.215.359.850)		2.381.295.918	(924.918.367)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures (i)	39,00%	1.891.500.000	(725.563.932)	39,00%	1.891.500.000	(435.122.449)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt (ii)	20,00%	489.795.918	(489.795.918)	20,00%	489.795.918	(489.795.918)
Đầu tư vào đơn vị khác		-	-		2.500.000.000	(266.272.192)
- Công ty Cổ phần STAG Việt Nam (iii)	0,00%	-	-	4,05%	2.500.000.000	(266.272.192)
		2.381.295.918	(1.215.359.850)		4.881.295.918	(1.191.190.559)

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0315257305 ngày 5 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures bắt đầu hoạt động từ ngày 5 tháng 9 năm 2018.
- (ii) Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0316963455 ngày 28 tháng 9 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt bắt đầu hoạt động từ ngày 28 tháng 9 năm 2021.
- (iii) Công ty Cổ phần STAG Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0317189756 ngày 8 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp nền tảng công nghệ để người dùng học tập quản lý tài chính cá nhân, tra cứu thông tin, dữ liệu thị trường và phân tích với mục đích tham khảo một cách dễ dàng tiện lợi.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.191.190.559	1.010.816.209
Trích lập trong năm	24.169.291	180.374.350
Số cuối năm	1.215.359.850	1.191.190.559

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Phải nộp trong năm VND</i>	<i>Đã trả trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(399.032.242)	-	-	(399.032.242)
Thuế thu nhập cá nhân	423.106.440	1.843.065.224	(1.868.160.120)	398.011.544
	24.074.198	1.843.065.224	(1.868.160.120)	(1.020.698)
Trong đó:				
<i>Phải thu</i>	(399.032.242)			(399.032.242)
<i>Phải nộp</i>	423.106.440			398.011.544

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	216.000.000	210.600.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	184.117.432	123.794.551
	400.117.432	334.394.551

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả mua chứng khoán	13.387.455.000	63.455.040
Phải trả phí môi giới	15.933.803	-
Phải trả khác	61.714.531	22.012.179
	13.465.103.334	85.467.219

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	<i>Số cuối năm (cổ phiếu)</i>	<i>Số đầu năm (cổ phiếu)</i>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông		
- <i>Số cổ phần phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- <i>Số cổ phần phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết số dư tiền gửi nhà đầu tư ủy thác:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	6.775.130.735	15.276.700.770
Nhà đầu tư 729583 (i)	2.556.971.661	5.000.000.000
Nhà đầu tư 486425 (ii)	2.267.362.640	-
Nhà đầu tư 000041 (iii)	1.474.001.270	-
Nhà đầu tư 000040 (iv)	263.271.971	-
Nhà đầu tư 000039 (v)	75.803.207	-
Nhà đầu tư 000012 (vi)	54.231.021	58.048.009
Nhà đầu tư 000011 (vii)	46.321.055	682.839.714
Nhà đầu tư 000017 (viii)	18.408.190	23.262.652
Nhà đầu tư 000015 (ix)	11.621.617	15.523.962
Nhà đầu tư 000013 (x)	4.321.150	8.238.122
Nhà đầu tư 000010 (xi)	2.515.629	169.593
Nhà đầu tư 000008 (xii)	193.666	7.387.366
Nhà đầu tư 000009 (xiii)	107.658	3.826.020
Nhà đầu tư 000038 (xiv)	-	-
Nhà đầu tư 000030 (xv)	-	1.878.517.228
Nhà đầu tư 603529 (xvi)	-	980.494.557
Nhà đầu tư 021352 (xvii)	-	933.006.167
Nhà đầu tư 000036 (xviii)	-	818.685.232
Nhà đầu tư 715986 (xix)	-	694.223.680
Nhà đầu tư 000033 (xx)	-	687.121.193
Nhà đầu tư 019989 (xxi)	-	647.381.745
Nhà đầu tư 029889 (xxii)	-	640.245.058
Nhà đầu tư 019286 (xxiii)	-	637.935.315
Nhà đầu tư 000034 (xxiv)	-	370.889.420
Nhà đầu tư 056798 (xxv)	-	357.461.102
Nhà đầu tư 000026 (xxvi)	-	351.205.832
Nhà đầu tư 081810 (xxvii)	-	339.174.233
Nhà đầu tư 000035 (xxviii)	-	113.018.047
Nhà đầu tư 000018 (xxix)	-	7.180.432
Nhà đầu tư 000019 (xxx)	-	6.841.151
Nhà đầu tư 000022 (xxxi)	-	5.940.459
Nhà đầu tư 000023 (xxxii)	-	4.042.937
Nhà đầu tư 000020 (xxxiii)	-	4.041.544
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	455.480.462
Nhà đầu tư 5923 (xxxiv)	-	455.480.462
	6.775.130.735	15.732.181.232

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Nhà đầu tư 729583

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	5.000.000.000	-
Tăng trong năm	203.947.356.570	5.000.000.000
- Lãi, cổ tức nhận được	68.528.509	-
- Bán chứng khoán đầu tư	178.922.235.000	-
- Nhận tiền ủy thác	20.005.000.000	5.000.000.000
- Tăng khác	4.951.593.061	-
Giảm trong năm	(206.390.384.909)	-
- Các loại phí và thuế	(839.986.774)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(199.667.400.000)	-
- Rút tiền ủy thác	(5.000.000)	-
- Chi khác	(5.877.998.135)	-
Số cuối năm	2.556.971.661	5.000.000.000

(ii) Nhà đầu tư 486425

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	22.727.441.472	-
- Lãi, cổ tức nhận được	77.296.476	-
- Bán chứng khoán đầu tư	13.850.145.000	-
- Nhận tiền ủy thác	8.799.999.996	-
Giảm trong năm	(20.460.078.832)	-
- Các loại phí và thuế	(65.353.832)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(20.394.725.000)	-
Số cuối năm	2.267.362.640	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iii) Nhà đầu tư 000041

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	64.702.473.196	-
- Lãi, cổ tức nhận được	658.048.196	-
- Bán chứng khoán đầu tư	14.044.425.000	-
- Nhận tiền ủy thác	50.000.000.000	-
Giảm trong năm	(63.228.471.926)	-
- Các loại phí và thuế	(132.853.697)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(63.095.618.229)	-
Số cuối năm	1.474.001.270	-

(iv) Nhà đầu tư 000040

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	3.473.683.099	-
- Lãi, cổ tức nhận được	53.088.099	-
- Bán chứng khoán đầu tư	2.420.595.000	-
- Nhận tiền ủy thác	1.000.000.000	-
Giảm trong năm	(3.210.411.128)	-
- Các loại phí và thuế	(18.395.763)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(3.192.015.365)	-
Số cuối năm	263.271.971	-

(v) Nhà đầu tư 000039

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	8.280.742.066	-
- Lãi, cổ tức nhận được	65.483.626	-
- Bán chứng khoán đầu tư	5.215.258.440	-
- Nhận tiền ủy thác	3.000.000.000	-
Giảm trong năm	(8.204.938.859)	-
- Các loại phí và thuế	(36.293.783)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(8.168.645.076)	-
Số cuối năm	75.803.207	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(vi) Nhà đầu tư 000012

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	58.048.009	61.528.463
Tăng trong năm	113.012	119.546
- Lãi, cổ tức nhận được	113.012	119.546
Giảm trong năm	(3.930.000)	(3.600.000)
- Các loại phí và thuế	(3.930.000)	(3.600.000)
Số cuối năm	54.231.021	58.048.009

(vii) Nhà đầu tư 000011

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	682.839.714	276.364.904
Tăng trong năm	4.427.621.608	7.455.466.476
- Lãi, cổ tức nhận được	19.920.587	38.898.012
- Bán chứng khoán đầu tư	4.407.701.021	7.070.068.464
- Nhận tiền ủy thác	-	346.500.000
Giảm trong năm	(5.064.140.267)	(7.048.991.666)
- Các loại phí và thuế	(41.708.630)	(113.768.366)
- Mua chứng khoán đầu tư	(4.022.431.637)	(4.632.679.701)
- Rút tiền ủy thác	(1.000.000.000)	(2.274.000.000)
- Chi khác	-	(28.543.599)
Số cuối năm	46.321.055	682.839.714

(viii) Nhà đầu tư 000017

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	23.262.652	653.729
Tăng trong năm	46.631.838.269	5.891.478.162
- Lãi, cổ tức nhận được	333.269	1.696.871.231
- Bán chứng khoán đầu tư	44.132.000.000	-
- Nhận tiền ủy thác	2.499.505.000	4.193.995.250
- Tăng khác	-	611.681
Giảm trong năm	(46.636.692.731)	(5.868.869.239)
- Các loại phí và thuế	(3.928.148.616)	(24.954.001)
- Mua chứng khoán đầu tư	-	(4.171.500.000)
- Rút tiền ủy thác	(40.208.714.225)	(1.670.571.238)
- Chi khác	(2.499.829.890)	(1.844.000)
Số cuối năm	18.408.190	23.262.652

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ix) Nhà đầu tư 0000015

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	15.523.962	143.842
Tăng trong năm	27.655	991.043.342
- Lãi, cổ tức nhận được	27.655	43.342
- Bán chứng khoán đầu tư	-	991.000.000
Giảm trong năm	(3.930.000)	(975.663.222)
- Các loại phí và thuế	(3.930.000)	(4.572.222)
- Rút tiền ủy thác	-	(970.000.000)
- Chi khác	-	(1.091.000)
Số cuối năm	11.621.617	15.523.962

(x) Nhà đầu tư 000013

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	8.238.122	11.817.816
Tăng trong năm	13.028	20.306
- Lãi, cổ tức nhận được	13.028	20.306
Giảm trong năm	(3.930.000)	(3.600.000)
- Các loại phí và thuế	(3.930.000)	(3.600.000)
Số cuối năm	4.321.150	8.238.122

(xi) Nhà đầu tư 000010

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	169.593	289.301
Tăng trong năm	2.040.973.075	1.237.254.017
- Lãi, cổ tức nhận được	36.688	4.017
- Bán chứng khoán đầu tư	2.006.000.000	1.237.250.000
- Tăng khác	34.936.387	-
Giảm trong năm	(2.038.627.039)	(1.237.373.725)
- Các loại phí và thuế	(71.590.774)	(39.725.332)
- Rút tiền ủy thác	(1.788.195.344)	(1.195.248.393)
- Chi khác	(178.840.921)	(2.400.000)
Số cuối năm	2.515.629	169.593

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xii) Nhà đầu tư 000008

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	7.387.366	14.963.007
Tăng trong năm	26.525.014	7.964.026.816
- Lãi, cổ tức nhận được	9.786	141.163
- Bán chứng khoán đầu tư	-	7.192.750.000
- Nhận tiền ủy thác	26.515.228	771.135.653
Giảm trong năm	(33.718.714)	(7.971.602.457)
- Các loại phí và thuế	(33.718.714)	(85.033.182)
- Mua chứng khoán đầu tư	-	(693.000.000)
- Rút tiền ủy thác	-	(7.192.750.000)
- Chi khác	-	(819.275)
Số cuối năm	193.666	7.387.366

(xiii) Nhà đầu tư 000009

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	3.826.020	3.665.533
Tăng trong năm	5.003.273	1.371.353.412
- Lãi, cổ tức nhận được	3.273	103.412
- Bán chứng khoán đầu tư	-	1.361.250.000
- Nhận tiền ủy thác	-	10.000.000
- Tăng khác	5.000.000	-
Giảm trong năm	(8.721.635)	(1.371.192.925)
- Các loại phí và thuế	(8.721.635)	(9.743.921)
- Rút tiền ủy thác	-	(1.361.250.000)
- Chi khác	-	(199.004)
Số cuối năm	107.658	3.826.020

(xiv) Nhà đầu tư 000038

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	329.570.324.476	-
- Lãi, cổ tức nhận được	856.860.283	-
- Bán chứng khoán đầu tư	228.711.707.393	-
- Nhận tiền ủy thác	100.000.000.000	-
- Tăng khác	1.756.800	-
Giảm trong năm	(329.570.324.476)	-
- Các loại phí và thuế	(1.268.737.753)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(222.059.790.026)	-
- Rút tiền ủy thác	(105.070.596.697)	-
- Chi khác	(1.171.200.000)	-
Số cuối năm	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xv) Nhà đầu tư 000030

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.878.517.228	5.571.602.195
Tăng trong năm	4.334.620.828	10.294.025.081
- Lãi, cổ tức nhận được	82.833.846	662.679.656
- Bán chứng khoán đầu tư	3.091.786.982	4.502.245.425
- Nhận tiền ủy thác	-	300.000.000
- Tăng khác	1.160.000.000	4.829.100.000
Giảm trong năm	(6.213.138.056)	(13.987.110.048)
- Các loại phí và thuế	(29.011.401)	(131.572.966)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.513.099.710)	(9.139.591.228)
- Rút tiền ủy thác	(4.632.979.187)	(4.400.000.000)
- Chi khác	(38.047.758)	(315.945.854)
Số cuối năm	-	1.878.517.228

(xvi) Nhà đầu tư 603529

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	980.494.557	-
Tăng trong năm	106.584	2.703.541.214
- Lãi, cổ tức nhận được	106.584	595.620
- Bán chứng khoán đầu tư	-	1.702.922.000
- Nhận tiền ủy thác	-	1.000.023.594
Giảm trong năm	(980.601.141)	(1.723.046.657)
- Các loại phí và thuế	(502.802)	(5.477.535)
- Mua chứng khoán đầu tư	-	(1.713.311.825)
- Rút tiền ủy thác	(980.098.339)	-
- Chi khác	-	(4.257.297)
Số cuối năm	-	980.494.557

(xvii) Nhà đầu tư 021352

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	933.006.167	-
Tăng trong năm	4.352.839.332	8.321.322.599
- Lãi, cổ tức nhận được	923.365	1.317.851
- Bán chứng khoán đầu tư	4.351.915.967	5.319.700.248
- Nhận tiền ủy thác	-	3.000.304.500
Giảm trong năm	(5.285.845.499)	(7.388.316.432)
- Các loại phí và thuế	(68.379)	(111.077)
- Mua chứng khoán đầu tư	(2.327.104.920)	(7.373.346.319)
- Rút tiền ủy thác	(2.958.672.200)	-
- Chi khác	-	(14.859.036)
Số cuối năm	-	933.006.167

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xviii) Nhà đầu tư 000036

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	818.685.232	-
Tăng trong năm	1.326.507.672	1.300.184.737
- Lãi, cổ tức nhận được	375.729	184.737
- Bán chứng khoán đầu tư	1.326.131.943	-
- Nhận tiền ủy thác	-	1.300.000.000
Giảm trong năm	(2.145.192.904)	(481.499.505)
- Các loại phí và thuế	(8.017.364)	(1.381.112)
- Mua chứng khoán đầu tư	(844.910.915)	(480.118.393)
- Rút tiền ủy thác	(1.292.264.625)	-
Số cuối năm	-	818.685.232

(xix) Nhà đầu tư 715986

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	694.223.680	411.867.874
Tăng trong năm	2.739.003.120	6.810.056.175
- Lãi, cổ tức nhận được	681.560	192.559.258
- Bán chứng khoán đầu tư	2.738.321.560	6.074.485.224
- Nhận tiền ủy thác	-	543.011.693
Giảm trong năm	(3.433.226.800)	(6.527.700.369)
- Các loại phí và thuế	(10.582.371)	(280.025)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.284.755.000)	(5.420.754.186)
- Rút tiền ủy thác	(2.137.889.429)	(1.086.023.386)
- Chi khác	-	(20.642.772)
Số cuối năm	-	694.223.680

(xx) Nhà đầu tư 000033

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	687.121.193	-
Tăng trong năm	2.915.421.296	4.318.914.614
- Lãi, cổ tức nhận được	568.733	486.613
- Bán chứng khoán đầu tư	2.914.852.563	2.318.428.001
- Nhận tiền ủy thác	-	2.000.000.000
Giảm trong năm	(3.602.542.489)	(3.631.793.421)
- Các loại phí và thuế	(14.746.415)	(16.901.530)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.608.703.370)	(3.614.891.891)
- Rút tiền ủy thác	(1.978.875.004)	-
- Chi khác	(217.700)	-
Số cuối năm	-	687.121.193

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxi) Nhà đầu tư 019989

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	647.381.745	312.175.523
Tăng trong năm	2.562.943.841	4.871.129.454
- Lãi, cổ tức nhận được	639.654	39.802.054
- Bán chứng khoán đầu tư	2.562.304.187	4.831.327.400
Giảm trong năm	(3.210.325.586)	(4.535.923.232)
- Các loại phí và thuế	(47.260)	(225.615)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.203.182.069)	(4.522.054.212)
- Rút tiền ủy thác	(2.007.096.257)	(13.643.405)
Số cuối năm	-	647.381.745

(xxii) Nhà đầu tư 029889

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	640.245.058	-
Tăng trong năm	2.918.158.643	4.298.147.736
- Lãi, cổ tức nhận được	628.570	629.736
- Bán chứng khoán đầu tư	2.917.530.073	2.297.518.000
- Nhận tiền ủy thác	-	2.000.000.000
Giảm trong năm	(3.558.403.701)	(3.657.902.678)
- Các loại phí và thuế	(46.117)	(64.808)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.562.032.830)	(3.650.945.316)
- Rút tiền ủy thác	(1.996.324.754)	(6.892.554)
Số cuối năm	-	640.245.058

(xxiii) Nhà đầu tư 019286

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	637.935.315	276.125.678
Tăng trong năm	2.924.928.986	4.774.245.020
- Lãi, cổ tức nhận được	629.394	38.832.920
- Bán chứng khoán đầu tư	2.924.299.592	4.735.412.100
Giảm trong năm	(3.562.864.301)	(4.412.435.383)
- Các loại phí và thuế	(46.127)	(221.427)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.566.858.496)	(4.398.822.838)
- Rút tiền ủy thác	(1.995.959.678)	-
- Chi khác	-	(13.391.118)
Số cuối năm	-	637.935.315

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxiv) Nhà đầu tư 000034

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	370.889.420	-
Tăng trong năm	1.272.522.083	1.972.197.269
- Lãi, cổ tức nhận được	291.107	120.341
- Bán chứng khoán đầu tư	1.272.230.976	972.076.928
- Nhận tiền ủy thác		1.000.000.000
Giảm trong năm	(1.643.411.503)	(1.601.307.849)
- Các loại phí và thuế	(7.379.503)	(7.531.679)
- Mua chứng khoán đầu tư	(626.907.683)	(1.593.776.170)
- Rút tiền ủy thác	(1.009.124.317)	-
Số cuối năm	-	370.889.420

(xxv) Nhà đầu tư 056798

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	357.461.102	-
Tăng trong năm	1.365.457.111	2.321.258.829
- Lãi, cổ tức nhận được	335.621	1.875.129
- Bán chứng khoán đầu tư	-	2.277.904.700
- Nhận tiền ủy thác	1.364.123.990	41.479.000
- Tăng khác	997.500	-
Giảm trong năm	(1.722.918.213)	(1.963.797.727)
- Các loại phí và thuế	(25.773)	(66.545)
- Mua chứng khoán đầu tư	(637.589.950)	(1.953.290.542)
- Rút tiền ủy thác	(1.085.302.490)	(10.440.640)
Số cuối năm	-	357.461.102

(xxvi) Nhà đầu tư 000026

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	351.205.832	136.831.117
Tăng trong năm	1.394.129.480	2.379.311.020
- Lãi, cổ tức nhận được	378.243	19.781.338
- Bán chứng khoán đầu tư	1.393.751.237	2.359.529.682
Giảm trong năm	(1.745.335.312)	(2.164.936.305)
- Các loại phí và thuế	(10.608.951)	(16.310.401)
- Mua chứng khoán đầu tư	(768.600.687)	(2.145.415.653)
- Rút tiền ủy thác	(966.019.410)	-
- Chi khác	(106.264)	(3.210.251)
Số cuối năm	-	351.205.832

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxvii) Nhà đầu tư 081810

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	339.174.233	-
Tăng trong năm	2.849.696.834	4.374.794.477
- Lãi, cổ tức nhận được	487.705	870.477
- Nhận tiền ủy thác	2.849.209.129	2.000.000.000
- Tăng khác	-	2.373.924.000
Giảm trong năm	(3.188.871.067)	(4.035.620.244)
- Các loại phí và thuế	(45.982)	(66.405)
- Mua chứng khoán đầu tư	-	(3.729.619.038)
- Rút tiền ủy thác	(1.488.229.000)	(300.000.000)
- Chi khác	(1.700.596.085)	(5.934.801)
Số cuối năm	-	339.174.233

(xxviii) Nhà đầu tư 000035

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	113.018.047	-
Tăng trong năm	371.383.219	584.307.156
- Lãi, cổ tức nhận được	77.174	39.923
- Bán chứng khoán đầu tư	371.306.045	283.917.233
- Nhận tiền ủy thác	-	300.000.000
- Tăng khác	-	350.000
Giảm trong năm	(484.401.266)	(471.289.109)
- Các loại phí và thuế	(4.118.245)	(4.232.145)
- Mua chứng khoán đầu tư	(180.977.667)	(467.006.964)
- Rút tiền ủy thác	(299.305.354)	-
- Chi khác	-	(50.000)
Số cuối năm	-	113.018.047

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxix) Nhà đầu tư 000018

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	7.180.432	5.309.827
Tăng trong năm	9.036.129.348	7.014.164
- Lãi, cổ tức nhận được	102.348	14.164
- Bán chứng khoán đầu tư	9.027.000.000	-
- Nhận tiền ủy thác	-	7.000.000
- Tăng khác	9.027.000	-
Giảm trong năm	(9.043.309.780)	(5.143.559)
- Các loại phí và thuế	(315.697.140)	(5.143.559)
- Rút tiền ủy thác	(8.722.782.607)	-
- Chi khác	(4.830.033)	-
Số cuối năm	-	7.180.432

(xxx) Nhà đầu tư 000019

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	6.841.151	5.302.506
Tăng trong năm	11.044.156.613	7.014.106
- Lãi, cổ tức nhận được	123.613	14.106
- Bán chứng khoán đầu tư	11.033.000.000	-
- Nhận tiền ủy thác	-	7.000.000
- Tăng khác	11.033.000	-
Giảm trong năm	(11.050.997.764)	(5.475.461)
- Các loại phí và thuế	(385.378.726)	(5.475.461)
- Rút tiền ủy thác	(10.661.282.331)	-
- Chi khác	(4.336.707)	-
Số cuối năm	-	6.841.151

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxxi) Nhà đầu tư 000022

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	5.940.459	4.264.911
Tăng trong năm	4.016.059.192	6.010.552
- Lãi, cổ tức nhận được	47.192	10.552
- Bán chứng khoán đầu tư	4.012.000.000	-
- Nhận tiền ủy thác	-	6.000.000
- Tăng khác	4.012.000	-
Giảm trong năm	(4.021.999.651)	(4.335.004)
- Các loại phí và thuế	(187.032.316)	(4.335.004)
- Rút tiền ủy thác	(3.826.913.187)	-
- Chi khác	(8.054.148)	-
Số cuối năm	-	5.940.459

(xxxii) Nhà đầu tư 000023

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	4.042.937	3.234.256
Tăng trong năm	2.008.029.729	5.008.681
- Lãi, cổ tức nhận được	23.729	8.681
- Bán chứng khoán đầu tư	2.006.000.000	-
- Nhận tiền ủy thác	-	5.000.000
- Tăng khác	2.006.000	-
Giảm trong năm	(2.012.072.666)	(4.200.000)
- Các loại phí và thuế	(181.981.092)	(4.200.000)
- Rút tiền ủy thác	(1.827.841.574)	-
- Chi khác	(2.250.000)	-
Số cuối năm	-	4.042.937

(xxxiii) Nhà đầu tư 000020

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	4.041.544	3.238.554
Tăng trong năm	3.012.044.135	5.002.990
- Lãi, cổ tức nhận được	35.135	2.990
- Bán chứng khoán đầu tư	3.009.000.000	-
- Tăng khác	3.009.000	5.000.000
Giảm trong năm	(3.016.085.679)	(4.200.000)
- Các loại phí và thuế	(9.350.700)	(4.200.000)
- Rút tiền ủy thác	(2.907.157.295)	-
- Chi khác	(99.577.684)	-
Số cuối năm	-	4.041.544

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxxiv) Nhà đầu tư 5923

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	455.480.462	-
Tăng trong năm	2.000.325.984	1.796.355.603
- Lãi, cổ tức nhận được	109.689	80.160
- Bán chứng khoán đầu tư	2.000.216.295	1.407.211.662
- Nhận tiền ủy thác	-	389.063.781
Giảm trong năm	(2.455.806.446)	(1.340.875.141)
- Các loại phí và thuế	(31.529)	(44.833)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.052.380.560)	(1.340.830.308)
- Rút tiền ủy thác	(1.403.394.357)	-
Số cuối năm	-	455.480.462

Chi tiết biến động tiền nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	15.732.181.232	7.444.607.871
Tăng trong năm	758.284.349.851	100.134.834.558
Giảm trong năm	(767.241.400.348)	(91.847.261.197)
Số cuối năm	6.775.130.735	15.732.181.232

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	81.708.762.010	52.123.700.678
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
SSI	261.220.237	-
CMG	191.906.350	-
IDC	151.964.091	-
VNM	117.004.017	-
CTR	93.852.806	-
BID	88.664.718	-
HDG	74.453.249	-
HPG	67.910.552	-
DGC	8.700.865	-
VHC	37.998.490	-
BVH	37.206.000	-
QTP	33.799.050	-
MBS	33.329.992	-
VEA	11.336.200	-
TNG	10.467.012	-
VGX	4.403.400	-
GMD	2.442.529	-
BFC	2.331.336	-
VGC	1.875.470	-
DPG	1.613.086	-
VLB	64.500	-
POW	-	63.740.632
GAS	-	28.458.505
PVS	-	11.867.667
TCH	-	10.150.225
ANV	-	4.386.804
HHV	-	1.587.536
Cổ phiếu chưa niêm yết	35.676.266.500	30.676.766.500
CTCP CMEGO	17.471.250.000	17.471.250.000
CTCP Công nghệ Ecotruck	9.990.000.000	9.990.000.000
CTCP E2	3.215.516.500	3.215.516.500
CTCP Đầu Tư Uppingham School Vietnam	4.999.500.000	-
Trái phiếu niêm yết	-	1.073.966.455
MSN121013	-	1.073.966.455
	117.385.028.510	83.874.433.633

19. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu cổ tức	108.275.000	-
Phải thu tiền bán chứng khoán	19.650.750	1.196.771.162
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	11.306.301
Phải thu trái tức	-	55.851.616
Phải thu khác	-	2.500.000.000
	127.925.750	3.763.929.079

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí quản lý	82.968.985	53.964.991
Phải trả ngân hàng lưu ký	13.022.969	8.480.616
Phải trả mua chứng khoán	12.243.338	310.665.300
Phải trả thuế TNCN từ trái tức	-	2.953.074
Phải trả thuế TNCN từ nhận cổ tức	-	2.695.171
	108.235.292	378.759.152

21. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ phí thưởng hiệu quả hoạt động quản lý danh mục	3.163.490.641	-
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (*)	3.450.898.842	2.643.226.717
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	180.000.000	-
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	224.818.567	312.021.159
Doanh thu khác	500.062.842	100.229.695
	7.519.270.892	3.055.477.571

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("VCAMBF"), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam ("VCAM-NH VABF") và Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery ("VCAMDF") là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
VCAMBF	Quỹ mở	Số 03/GCN-UBCK ngày 02/04/2019	123.975.994.784	98.830.428.185
VCAM-NH VABF	Quỹ mở	Số 40/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2023	71.443.851.520	164.329.780.895
VCAMDF	Quỹ mở	Số 51/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2024	48.744.767.189	-

Theo điều lệ quỹ của VCAMBF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMBF.

Theo điều lệ quỹ của VCAM-NH VABF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,0%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAM-NH VABF.

Theo điều lệ quỹ của VCAMDF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,5%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMDF.

Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ của VCAMBF, VCAM-NH VABF và VCAMDF lần lượt tối đa là 0,5% giá trị đăng ký mua và 1,0% giá trị bán thực hiện.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	12.103.999.038	10.066.402.614
Chi phí hoạt động quản lý	2.877.058.211	2.468.701.386
Chi phí thuê văn phòng	1.769.907.550	1.522.828.621
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	413.921.949	415.772.239
Chi phí tư vấn quản lý quỹ	248.533.335	1.320.616.532
Chi phí khác	863.296.794	1.099.110.110
	18.276.716.877	16.893.431.502

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	32.504.272.882	25.117.816.130
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.810.839.800	1.624.442.700
Lãi tiền gửi ngân hàng	627.612.677	2.553.230.095
	34.942.725.359	29.295.488.925

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	13.255.798.658	15.227.268.825
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.870.479.628)	(9.242.307.997)
	11.385.319.030	5.984.960.828

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.027.843.851	5.340.652.806
Chi phí dịch vụ tư vấn	1.015.685.359	234.073.581
Chi phí thuê văn phòng	741.505.167	802.180.380
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	194.727.500	227.227.000
Chi phí khấu hao và hao mòn	173.292.744	218.726.214
Thuế, phí, lệ phí	106.491.688	45.380.813
Khác	1.590.237.656	1.321.221.237
	8.849.783.965	8.189.462.031

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (năm trước: 20%) lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.950.176.379	1.233.112.135
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (năm trước: 20%)	790.035.276	246.622.427
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	229.671.613	133.734.796
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Doanh thu cổ tức không chịu thuế	(362.167.960)	(324.888.540)
- Lỗ năm trước chuyển sang	(657.538.929)	(55.468.683)
Chi phí thuế TNDN trong năm	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

26.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 11.736.236.510 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.023.931.152 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh (*)	Năm cuối chuyển lỗ	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ tính thuế đã sử dụng đến cuối năm trước VND	Chuyển lỗ trong năm VND	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại cuối năm này VND
2022	2027	15.301.274.567	277.343.415	3.287.694.642	11.736.236.510
		15.301.274.567	277.343.415	3.287.694.642	11.736.236.510

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước	11.736.236.510	2.347.247.302	15.023.931.152	3.004.786.230

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty	3.950.176.379	1.233.112.135
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	304	95

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chủ chốt của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Phí quản lý danh mục đầu tư	5.389.962	6.129.917
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	-	380.259
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Gửi tiền gửi có kỳ hạn Rút tiền gửi có kỳ hạn Nhận lãi tiền gửi có kỳ hạn	211.400.000.000 (218.300.000.000) 572.241.919	242.000.000.000 (241.000.000.000) 2.853.605.483
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	1.406.132.544 47.270.000.000 (46.680.496.000)	1.060.609.322 13.000.000.000 (10.060.730.736)
VCAM-NH VABF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	1.559.805.380 47.000.000 (2.035.841.322)	1.582.617.395 - -
VCAMDF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ	484.960.918 28.000.000	- -
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc		Lương, thù lao trợ cấp	4.293.180.000	4.007.960.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết Phải thu phí quản lý	1.891.500.000 5.389.962	1.891 - 500.000 456.527
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	489.795.918	489 - 795.918
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Tiền gửi có kỳ hạn Tiền gửi không kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	40.100.000.000 158.573.106 71.824.112	47.000 - 000.000 329 - 375.601 64 - 131.507
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	72.752.044.058 133.745.732 68.760.585	60.230 - 962.617 99 - 394.226 77 - 748.827
VCAM-NH VABF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	23.160.446.188 74.085.020 309.443	25.000 - 000.000 139 - 073.871 428.986
VCAMDF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	28.000.000 64.493.241 30.382.095	- - -

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và trái phiếu đầu tư của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

29.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm trái phiếu niêm yết do tổ chức uy tín phát hành. Tổng Giám đốc không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ trái phiếu niêm yết và tin rằng tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.051.613.777	40.000.000.000	-	-	89.051.613.777
Đầu tư ngắn hạn - gộp	124.319.456.200	-	100.000.000	-	124.419.456.200
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	5.215.254.500	-	-	5.215.254.500
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	454.745.101	-	-	454.745.101
Các khoản phải thu khác	-	-	326.255.665	-	326.255.665
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	598.236.000	598.236.000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	-	-	-	2.381.295.918	2.381.295.918
	173.371.069.977	45.669.999.601	426.255.665	2.979.531.918	222.446.857.161
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	400.117.432	-	400.117.432
Phải trả ngắn hạn khác	-	13.465.103.334	-	-	13.465.103.334
	-	13.465.103.334	400.117.432	-	13.865.220.766
Trạng thái thanh khoản ròng	173.371.069.977	32.204.896.267	26.138.233	2.979.531.918	208.581.636.395

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<i>Bất kỳ thời điểm nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 tháng đến 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 năm đến 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.033.000.107	47.000.000.000	-	-	73.033.000.107
Đầu tư ngắn hạn - gộp	116.057.879.085	-	-	-	116.057.879.085
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	10.039.945.978	-	-	10.039.945.978
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	370.610.901	-	-	370.610.901
Các khoản phải thu khác	-	-	355.327.480	-	355.327.480
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	550.311.000	550.311.000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	-	-	-	2.381.295.918	2.381.295.918
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
	142.090.879.192	57.410.556.879	355.327.480	5.431.606.918	205.288.370.469
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	334.394.551	-	334.394.551
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	85.467.219	-	85.467.219
	-	-	419.861.770	-	419.861.770
Trạng thái thanh khoản ròng	142.090.879.192	57.410.556.879	(64.534.290)	5.431.606.918	204.868.508.699

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.051.613.777	89.051.613.777	73.033.000.107	73.033.000.107
Đầu tư ngắn hạn	124.388.384.805	149.683.142.898	114.132.158.771	136.664.981.887
- Cổ phiếu niêm yết và UPCoM	28.347.962.212	28.427.492.700	28.901.196.154	29.626.299.406
- Chứng chỉ quỹ	95.940.422.593	121.155.650.198	85.230.962.617	107.038.682.481
- Hợp đồng tiền gửi	100.000.000	100.000.000	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.215.254.500	5.215.254.500	10.039.945.978	10.039.945.978
Phải thu từ các hoạt động nghiệp vụ	454.745.101	454.745.101	370.610.901	370.610.901
Các khoản phải thu khác	326.255.665	326.255.665	355.327.480	355.327.480
Phải thu dài hạn khác	598.236.000	598.236.000	550.311.000	550.311.000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	2.381.295.918	(*)	2.381.295.918	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	(*)	2.500.000.000	(*)
	222.415.785.766		203.362.650.155	
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	400.117.432	400.117.432	334.394.551	334.394.551
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.465.103.334	13.465.103.334	85.467.219	85.467.219
	13.865.220.766		419.861.770	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Cơ sở xác định giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một (1) năm	2.632.140.258	2.136.035.000
Từ một (1) đến năm (5) năm	3.307.062.339	5.075.362.864
	5.939.202.597	7.211.397.864

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty đã hoàn thành tăng vốn thêm 20.265.000.000 VND bằng cách phát hành thêm cổ phần và nhận được giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 2 năm 2025.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc